

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 33



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Nhà nước là Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên (tên trước đây là Công ty Phát triển nhà và Công trình đô thị và được chuyển đổi thành Công ty TNHH Phát triển nhà và Công trình đô thị Thành phố Tuy Hòa).

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên là Công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400115884 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp lần đầu vào ngày 25 tháng 5 năm 2006. Ngày 27/09/2013 và ngày 20/12/2013, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh Phú Yên ban hành Quyết định số 1704/QĐ-UBND và Quyết định số 2276/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Phú Yên thành Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 4400115884 cấp lần đầu ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay đổi đến lần thứ 7 ngày 03 tháng 7 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Phú Yên cấp.

Trụ sở hoạt động:

- Địa chỉ : Số 72 Tản Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
- Điện thoại : 0257 3823 666
- Fax : 0257 3829 762

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyên	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Mai An Gin	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Huỳnh Hoàng Hiếu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 08 tháng 10 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Trần Minh Hoàng	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Nguyễn	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Bà Ngô Thị Bích Trâm	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2023

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Minh Hoàng – Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Minh Hoàng
Giám đốc

Ngày 17 tháng 3 năm 2025

5-001
ÁNH
TNHH
TUV
C
ANG
HÀNH

Số: 3.0069/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 17 tháng 3 năm 2025 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0979-2023-008-1

Người được ủy quyền

Nha Trang, ngày 17 tháng 3 năm 2025

**Hàng Quỳnh Hạnh****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0963-2023-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.706.283.498	90.225.197.186
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	16.641.234.350	9.325.898.606
1. Tiền	111		11.431.234.350	9.325.898.606
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.210.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		11.855.580.000	11.414.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	11.855.580.000	11.414.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		37.836.037.778	54.763.267.288
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	37.968.203.250	56.343.835.866
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.557.734.000	263.955.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	627.983.861	473.359.755
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.317.883.333)	(2.317.883.333)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		10.296.088.803	13.490.645.087
1. Hàng tồn kho	141	V.7	10.296.088.803	13.490.645.087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.077.342.567	1.231.386.205
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.943.154.204	1.010.707.172
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	134.188.363	220.679.033
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		20.915.123.672	21.861.192.650
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		13.929.758.441	14.990.674.282
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	13.771.684.367	14.990.674.282
- Nguyên giá	222		74.396.537.571	71.657.834.121
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(60.624.853.204)	(56.667.159.839)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	158.074.074	-
- Nguyên giá	228		158.074.074	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		70.791.666	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	70.791.666	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.031.995.364	1.631.995.364
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	781.995.364	781.995.364
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	1.250.000.000	850.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.882.578.201	5.238.523.004
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	4.882.578.201	5.238.523.004
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		100.621.407.170	112.086.389.836

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		28.675.152.294	41.761.084.945
I. Nợ ngắn hạn	310		28.203.152.294	41.761.084.945
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	11.290.264.861	26.766.128.121
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	5.516.029.025	4.227.691.025
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	757.696.321	703.757.786
4. Phải trả người lao động	314	V.15	6.157.016.850	6.901.183.643
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	14.814.815	415.515.840
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	50.428.699	224.389.894
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	4.416.901.723	2.522.418.636
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		472.000.000	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.19	472.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		71.946.254.876	70.325.304.891
I. Vốn chủ sở hữu	410		71.946.254.876	70.325.304.891
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.430.000.000	61.430.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	2.015.251.804	1.216.688.532
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	8.501.003.072	7.678.616.359
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	7.678.616.359
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		8.501.003.072	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		100.621.407.170	112.086.389.836

Huỳnh Thị Bích Thủy
Người lập

Ngô Thị Bích Trâm
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 17, tháng 3 năm 2025

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	196.436.544.826	184.902.230.591
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		196.436.544.826	184.902.230.591
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	172.408.829.614	163.853.498.776
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.027.715.212	21.048.731.815
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.966.852.134	3.498.778.848
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	254.100.056	25.888.731
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	16.317.880.174	15.025.752.254
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.422.587.116	9.495.869.678
11. Thu nhập khác	31	VI.6	36.803.777	306.669.224
12. Chi phí khác	32	VI.7	163.865.244	393.581.222
13. Lợi nhuận khác	40		(127.061.467)	(86.911.998)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.295.525.649	9.408.957.680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	1.794.522.577	1.750.341.321
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.501.003.072	7.658.616.359

Huỳnh Thị Bích Thủy
Người lập

Ngô Thị Bích Trâm
Kế toán trưởng

Trần Minh Hoàng
Giám đốc



Phú Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		10.295.525.649	9.408.957.680
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	3.957.693.365	3.541.829.299
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	(12.255.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(2.966.852.134)	(3.498.778.848)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.19	472.000.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		11.758.366.880	9.439.753.131
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		17.065.470.637	(19.215.679.722)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.7	3.194.556.284	(370.114.451)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(13.408.377.240)	6.888.025.126
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	(1.576.502.229)	1.625.177.654
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(1.805.341.321)	(1.827.046.766)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(1.299.770.000)	(3.060.858.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		13.928.403.011	(6.520.743.528)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, 10, 11	(4.876.819.190)	(4.173.358.333)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(43.655.580.000)	(35.150.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	42.814.000.000	35.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3, V.5	2.915.101.677	3.472.267.975
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.803.297.513)	(851.090.358)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, V.20	(3.809.769.754)	(3.685.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.809.769.754)	(3.685.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.315.335.744	(11.057.633.886)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	9.325.898.606	20.383.532.492
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	16.641.234.350	9.325.898.606

Huỳnh Thị Bích Thủy
Người lập

Ngô Thị Bích Trâm
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Hoàng
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Phú Yên (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Doanh thu năm nay tăng so với năm trước chủ yếu do tăng doanh thu dịch vụ công cộng, do năm nay Công ty trúng được các gói thầu dịch vụ công cộng có giá trị lớn (chăm sóc cây xanh).

6. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	Khu phố 2 - Phường Hòa Vinh - Thị xã Đông Hòa - Tỉnh Phú Yên
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu	KP Long Phước Đông, Phường Xuân Phú, Thị xã Sông Cầu, Tỉnh Phú Yên

Hoạt động kinh doanh chính của các công ty con là: Thu gom rác thải không độc hại, trồng cây xanh.

Tỷ lệ đăng ký vốn góp tại các công ty con này là 100%. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương ứng tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 409 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 410 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại các công ty con. Nếu các công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa, chi phí khác

Chi phí sửa chữa văn phòng, chi phí sửa chữa bảo dưỡng xe rác, các chi phí khác phát sinh được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty chỉ có:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ bằng 5% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và Quyết định Hội đồng quản trị về việc chi trả cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lợi nhuận được chia

Lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	190.014.774	94.413.188
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	11.241.219.576	9.231.485.418
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng ⁽ⁱ⁾	5.210.000.000	-
Cộng	<u>16.641.234.350</u>	<u>9.325.898.606</u>

(i) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền đã được phong tỏa để ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.033.843.442	1.689.267.440
Các khoản tương đương tiền	210.000.000	-
Cộng	<u>1.243.843.442</u>	<u>1.689.267.440</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư vào công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn	11.855.580.000	11.855.580.000	11.414.000.000	11.414.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn	1.250.000.000	1.250.000.000	850.000.000	850.000.000
Cộng	<u>13.105.580.000</u>	<u>13.105.580.000</u>	<u>12.264.000.000</u>	<u>12.264.000.000</u>

Toàn bộ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn đã được phong tỏa để ký quỹ đảm bảo nghĩa vụ bảo lãnh.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV xây dựng và phát triển Đô thị Đông Hòa ⁽ⁱ⁾	781.995.364	-	781.995.364	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	-
Cộng	781.995.364	-	781.995.364	-

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401055691 ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa 4.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty đã góp vốn là 781.995.364 VND, số còn phải góp là 3.718.004.636 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4401056737 ngày 13 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu 4.500.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty chưa góp vốn điều lệ, số vốn còn phải góp là 4.500.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa hoạt động kinh doanh bình thường và không có thay đổi nhiều so với năm trước;
- Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu chưa hoạt động.

Giao dịch với các công ty con

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa		
Công ty nhận lợi nhuận được chia	1.705.922.352	1.227.255.018
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.990.428.700	784.796.634
Doanh thu cung cấp cây xanh	11.300.000	47.663.000
Doanh thu khác	468.120.000	-
Nhập mua cây xanh	-	324.994.000
Chi phí thu gom rác	19.766.365.167	18.022.847.035
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu		
Các khoản chi hộ	5.500.000	2.000.000

Cam kết góp vốn

Tại ngày kết thúc năm tài chính, vốn điều lệ còn phải góp vào Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu lần lượt là 3.718.004.636 VND và 4.500.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	371.530.800	594.047.800
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	371.530.800	594.047.800
Phải thu các khách hàng khác	37.596.672.450	55.749.788.066
Phòng Quản lý đô thị Thành phố Tuy Hòa	15.035.240.000	40.198.852.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo cả	1.860.505.333	1.860.505.333
Ban Quản lý các Dự án Đầu tư và Xây dựng tỉnh Phú Yên	1.539.316.916	2.485.681.916
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng và Phát triển Quỹ đất Thành phố Tuy Hòa	6.914.582.000	671.891.000
Phòng Quản lý Đô thị Thị xã Đông Hòa	1.958.159.000	3.064.387.893
Các khách hàng khác	10.288.869.201	7.468.469.924
Cộng	37.968.203.250	56.343.835.866

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Thương mại Xây dựng Công nghiệp Đức Long	774.600.000	-
DNTN Cây kiềng Đức Minh	430.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ quảng cáo Thanh Hiếu	-	193.600.000
Các nhà cung cấp khác	353.134.000	70.355.000
Cộng	1.557.734.000	263.955.000

5. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	270.131.000	-	28.771.000	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô Thị Đông Hòa	235.860.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu	34.271.000	-	28.771.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	357.852.861	-	444.588.755	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	336.935.290	-	285.184.833	-
Tạm ứng	-	-	69.409.454	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	17.000.000	-	43.100.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.917.571	-	46.894.468	-
Cộng	627.983.861	-	473.359.755	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ban QLDA Đầu tư và Xây dựng và Phát triển Quỹ đất Thành phố Tuy Hòa	Trên 3 năm	394.093.000	-	Trên 3 năm	394.093.000	-
Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Tuy Hòa	Trên 3 năm	145.447.000	82.162.000	Trên 3 năm	145.447.000	82.162.000
Khách hàng khác	Trên 3 năm	1.860.505.333	-	Trên 3 năm	1.860.505.333	-
Cộng		2.400.045.333	82.162.000		2.400.045.333	82.162.000

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.317.883.333	2.535.685.788
Hoàn nhập dự phòng	-	(12.255.000)
Xử lý xóa nợ trong năm	-	(205.547.455)
Số cuối năm	2.317.883.333	2.317.883.333

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	4.244.411.573	-	8.888.865.421	-
Công cụ, dụng cụ	6.850.000	-	6.850.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.845.513.295	-	4.273.004.845	-
Thành phẩm	30.772.869	-	51.003.309	-
Hàng hóa	168.541.066	-	270.921.512	-
Cộng	10.296.088.803	-	13.490.645.087	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.106.463.013	410.397.234
Chi phí sửa chữa	460.490.179	350.550.843
Chi phí bảo hiểm	159.766.351	183.721.206
Chi phí khác	216.434.661	66.037.889
Cộng	2.943.154.204	1.010.707.172

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	887.511.816	473.116.941
Chi phí sửa chữa	3.935.385.009	4.702.855.425
Các chi phí trả trước dài hạn khác	59.681.376	62.550.638
Cộng	4.882.578.201	5.238.523.004

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	15.924.355.794	13.485.827.289	41.963.203.402	284.447.636	71.657.834.121
Mua trong năm	-	92.000.000	-	34.254.545	126.254.545
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	998.558.332	159.000.000	1.454.890.573	-	2.612.448.905
Số cuối năm	16.922.914.126	13.736.827.289	43.418.093.975	318.702.181	74.396.537.571
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	14.279.730.622	11.541.747.507	12.729.422.894	284.447.636	38.835.348.659
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	15.021.387.424	12.107.899.849	29.253.424.930	284.447.636	56.667.159.839
Khấu hao trong năm	258.986.040	340.258.578	3.350.836.627	7.612.120	3.957.693.365
Số cuối năm	15.280.373.464	12.448.158.427	32.604.261.557	292.059.756	60.624.853.204
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	902.968.370	1.377.927.440	12.709.778.472	-	14.990.674.282
Số cuối năm	1.642.540.662	1.288.668.862	10.813.832.418	26.642.425	13.771.684.367
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chương trình phần mềm máy tính, phát sinh như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	-	-	-
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	158.074.074	-	-
Số cuối năm	158.074.074	-	158.074.074

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	1.870.144.949	(1.771.964.647)	(27.388.636)	70.791.666
Xây dựng cơ bản dở dang	-	1.028.542.015	(998.558.332)	(29.983.683)	-
Nhà để xe	-	998.558.332	(998.558.332)	-	-
Hạng mục khác	-	29.983.683	-	(29.983.683)	-
Cộng	-	2.898.686.964	(2.770.522.979)	(57.372.319)	70.791.666

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.436.905.786	4.402.950.798
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	2.436.905.786	4.402.950.798
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.853.359.075	22.363.177.323
DNTN Cây kiềng Đức Minh	-	2.904.880.000
Cơ sở sản xuất hoa kiềng Út Nhựt	858.558.000	7.172.073.000
Công ty TNHH Hoàng Phượng	1.828.631.625	2.210.096.377
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Hưng Thịnh	1.134.376.000	-
Các nhà cung cấp khác	5.031.793.450	10.076.127.946
Cộng	11.290.264.861	26.766.128.121

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý khu kinh tế Phú Yên	3.200.000.000	3.200.000.000
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Quỹ đất Thành phố Tuy Hòa	1.026.849.025	1.026.849.025
Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng và Phát triển Quỹ đất Thị xã Đông Hòa	755.580.000	-
Các khách hàng khác	533.600.000	842.000
Cộng	5.516.029.025	4.227.691.025

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp trong năm	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	648.416.465	-	4.171.471.647	(4.106.714.368)	713.173.744	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.341.321	-	1.794.522.577	(1.805.341.321)	44.522.577	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	192.229.737	159.329.085	(101.287.711)	-	134.188.363
Tiền thuê đất	-	28.449.296	111.523.306	(83.074.010)	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	703.757.786	220.679.033	6.239.846.615	(6.099.417.410)	757.696.321	134.188.363

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ cây xanh và chiếu sáng Không chịu thuế
- Các sản phẩm và dịch vụ khác 10%

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của các mặt hàng, dịch vụ chịu thuế 10% giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.295.525.649	9.408.957.680
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	383.009.590	570.003.942
Thu nhập chịu thuế	10.678.535.239	9.978.961.622
Thu nhập được miễn thuế	(1.705.922.352)	(1.227.255.018)
Thu nhập tính thuế	8.972.612.887	8.751.706.604
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	1.794.522.577	1.750.341.321

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Công ty nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả lương người lao động	5.777.362.506	6.455.059.145
Phải trả lương người quản lý	288.907.344	348.997.498
Phải trả khác cho người lao động	90.747.000	97.127.000
Cộng	6.157.016.850	6.901.183.643

Quỹ lương kế hoạch và lương thực hiện năm 2024 được xây dựng theo quy định của Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm trích trước giá vốn công trình đã hoàn thành trong năm	-	273.464.182
Trích trước chi phí thu giá dịch vụ	-	47.711.389
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	14.814.815	94.340.269
Cộng	14.814.815	415.515.840

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả về cổ phần hóa	-	485.793
Cổ tức phải trả	-	123.969.754
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	50.428.699	99.934.347
Cộng	50.428.699	224.389.894

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.522.418.636	2.997.158.962	(1.299.770.000)	4.219.807.598
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	197.094.125	-	197.094.125
Cộng	2.522.418.636	3.194.253.087	(1.299.770.000)	4.416.901.723

19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

	Năm nay
Số đầu năm	-
Trích lập quỹ	472.000.000
Số cuối năm	472.000.000

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	61.430.000.000	634.681.479	6.595.835.265	68.660.516.744
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	7.658.616.359	7.658.616.359
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	582.007.053	(582.007.053)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(2.145.609.712)	(2.145.609.712)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2022	-	-	(182.418.500)	(182.418.500)
Chia cổ tức năm trước	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận theo kết luận thanh tra sở tài chính	-	-	20.000.000	20.000.000
Số dư cuối năm trước	61.430.000.000	1.216.688.532	7.678.616.359	70.305.304.891
Số dư đầu năm nay	61.430.000.000	1.216.688.532	7.678.616.359	70.325.304.891
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	8.501.003.072	8.501.003.072
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	798.563.272	(798.563.272)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(2.997.158.962)	(2.997.158.962)
Trích quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành từ lợi nhuận năm 2023	-	-	(197.094.125)	(197.094.125)
Chia cổ tức năm 2023	-	-	(3.685.800.000)	(3.685.800.000)
Số dư cuối năm nay	61.430.000.000	2.015.251.804	8.501.003.072	71.946.254.876

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)	56.079.000.000	56.079.000.000
Các cổ đông khác	5.351.000.000	5.351.000.000
Cộng	61.430.000.000	61.430.000.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.143.000	6.143.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.143.000	6.143.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 26 tháng 6 năm 2024 như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 798.563.272
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành	: 3.194.253.087
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.685.800.000
Cộng	7.678.616.359

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Tài sản nhận giữ hộ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản nhận giữ hộ	46.342.321.586	46.342.321.586

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban Quản lý Công ty Phát triển nhà và Công trình Đô thị	129.952.000	129.952.000
Phòng tài chính kế hoạch thành phố	75.595.455	75.595.455
Cộng	205.547.455	205.547.455

Các khoản nợ này là khoản nợ của Công ty TNHH MTV Phát triển nhà và Công trình đô thị (tiền thân của Công ty), khi cổ phần hóa chuyển đổi sang Công ty Cổ phần thì các khoản nợ chưa được xử lý đầy đủ nên hiện tại không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu dịch vụ công cộng thành phố Tuy Hòa	126.445.985.537	117.398.372.277
Doanh thu dịch vụ công cộng địa bàn khác	37.401.781.129	31.604.842.162
Doanh thu dịch vụ công trình	25.952.676.794	26.133.990.439
Doanh thu khác (bán cây xanh, chăm sóc cây xanh, vệ sinh công nghiệp,...)	6.636.101.366	9.765.025.713
Cộng	196.436.544.826	184.902.230.591

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty con được trình bày tại thuyết minh số V.2, Công ty không có giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác trong năm nay và năm trước.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ công cộng thành phố Tuy Hòa	110.987.917.302	105.315.720.926
Giá vốn dịch vụ công cộng địa bàn khác	31.812.594.263	27.327.044.921
Giá vốn dịch vụ công trình	23.502.006.990	22.925.337.827
Giá vốn khác (bán cây xanh, chăm sóc cây xanh, vệ sinh công nghiệp,...)	6.106.311.059	8.285.395.102
Cộng	172.408.829.614	163.853.498.776

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.260.929.782	2.271.523.830
Lợi nhuận được chia	1.705.922.352	1.227.255.018
Cộng	2.966.852.134	3.498.778.848

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, bao bì	19.963.407	18.663.414
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	35.349.963	2.891.608
Các chi phí khác	198.786.686	4.333.709
Cộng	254.100.056	25.888.731

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.753.174.385	8.500.817.905
Chi phí vật liệu quản lý	1.187.717.896	1.062.614.458
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.146.669	149.823.670
Chi phí khấu hao tài sản cố định	108.646.175	47.303.901

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế, phí và lệ phí	114.523.306	70.513.344
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	-	(12.255.000)
Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ	472.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	488.044.214	444.539.783
Các chi phí khác	5.023.627.529	4.762.394.193
Cộng	<u>16.317.880.174</u>	<u>15.025.752.254</u>
6. Thu nhập khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền bồi thường	-	303.267.034
Thu nhập khác	36.803.777	3.402.190
Cộng	<u>36.803.777</u>	<u>306.669.224</u>
7. Chi phí khác		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí phạt hành chính, tiền chậm nộp	65.127.684	354.528.580
Chi phí khác	98.737.560	39.052.642
Cộng	<u>163.865.244</u>	<u>393.581.222</u>
8. Lãi trên cổ phiếu		
Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.157.726.634	65.333.364.579
Chi phí nhân công	49.431.538.429	44.573.502.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.957.693.365	3.541.829.299
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.314.701.119	58.806.264.762
Chi phí khác	7.165.884.036	5.833.223.086
Cộng	<u>190.027.543.583</u>	<u>178.088.184.608</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Tiền lương, thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch HĐQT	202.655.189	63.648.000	266.303.189
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	520.275.848	44.064.000	564.339.848
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	442.174.984	44.064.000	486.238.984
Bà Ngô Thị Bích Trâm	Kế toán trưởng	369.901.988	-	369.901.988
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyên	Trưởng BKS	350.383.181	-	350.383.181
Ông Mai An Gin	Thành viên BKS	118.361.887	26.928.000	145.289.887
Ông Huỳnh Hoàng Hiếu	Thành viên BKS	180.243.829	6.732.000	186.975.829
Cộng		2.183.996.906	185.436.000	2.369.432.906
Năm trước				
Bà Nguyễn Thị Thu	Chủ tịch HĐQT	159.559.995	68.581.816	228.141.811
Ông Trần Minh Hoàng	Thành viên HĐQT - Giám đốc	515.148.830	62.776.159	577.924.989
Ông Nguyễn Quang Nguyên	Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc	434.421.699	62.776.159	497.197.858
Bà Ngô Thị Bích Trâm	Kế toán trưởng	275.072.812	-	275.072.812
Bà Nguyễn Thị Minh Tuyên	Trưởng BKS	217.871.113	-	217.871.113
Ông Mai An Gin	Thành viên BKS	102.580.587	13.430.000	116.010.587
Cộng		1.704.655.036	207.564.134	1.912.219.170

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Cổ đông Nhà nước (UBND tỉnh Phú Yên)	Cổ đông sở hữu 91,29% vốn điều lệ của Công ty
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Đông Hòa	Công ty con
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Cầu	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ PHÚ YÊN

Địa chỉ: Số 72 Tân Đà, Phường 1, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch với các công ty con đã trình bày tại V.2b và giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày tại thuyết minh số VI.1b, Công ty chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức cho Ủy ban Nhân dân tỉnh Phú Yên với số tiền 3.364.740.000 VND (năm trước là 3.364.740.000 VND).

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận do Công ty công bố. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thị trường.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5 và V.11.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính là thu gom rác, xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại trong một khu vực địa lý là tỉnh Khánh Hòa.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Huỳnh Thị Bích Thủy
Người lập

Ngô Thị Bích Trâm
Kế toán trưởng



Phú Yên, ngày 17 tháng 3 năm 2025

Trần Minh Hoàng
Giám đốc